

Biên Hòa, ngày 10 tháng 3 năm 2025

Số: 223/2025/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 125/2025/TLST-VHNGĐ ngày 07/02/2025 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Bà **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông **Giáp Văn H**, sinh năm 1984.

HKTT: Thôn D, xã L, huyện G, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ liên hệ: Khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Giáp Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/4/2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 85/KH, quyển số 02-2010. Xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Nay bà T và ông H xác định mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Giáp Thị Tuyết H1, sinh ngày 27/11/2009 và cháu Giáp Mạnh C, sinh ngày 14/01/2011. Khi ly hôn, các đương sự thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Giáp Văn H phải chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Giáp Văn H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Giáp Thị Tuyết H1, sinh ngày 27/11/2009 và cháu Giáp Mạnh C, sinh ngày 14/01/2011 cho bà Nguyễn Thị Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông Giáp Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Giáp Văn H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0005552 ngày 15/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đồng Thị Kim Thoa